

Phân tích vai trò của vốn đầu tư nước ngoài trong tăng trưởng kinh tế các nước ASEAN giai đoạn 2015 - 2019

Nguyễn Thị Hồng Nhung

(nguyenthinhongnhung@hau.edu.vn)

Khoa Quản lý kinh doanh, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Một trong số động lực cho tăng trưởng kinh tế chính là đầu tư, song mỗi quốc gia có tính đặc thù riêng nên đóng góp của đầu tư vào tăng trưởng kinh tế cần được xem xét cụ thể. Nghiên cứu đi sâu phân tích về vai trò của vốn đầu tư nước ngoài vào các nước ASEAN giai đoạn 2015 — 2019 và đánh giá sự tác động của yếu tố này kèm với những thay đổi trong năng lực Logistics góp phần vào tăng trưởng kinh tế mỗi nước. Bài viết tiếp cận nghiên cứu theo phân tích sự đóng góp của vốn đầu tư nước ngoài vào quy mô và cấu trúc giá trị GDP mỗi nước thành viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy quy mô và giá trị gia tăng GDP theo lĩnh vực có sự đóng góp tích cực từ vốn đầu tư nước ngoài. Trong số các giải pháp được đề xuất thì việc khai thác lực hút từ lĩnh vực thế mạnh có ý nghĩa lớn ứng với từng thành viên.

1. Mở đầu

Giai đoạn 2015 — 2019 chứng kiến nhiều thay đổi trong quyết định đầu tư dẫn đến biến động mạnh dòng vốn đầu tư, đặc biệt ở cuối giai đoạn. Nguyên nhân của thực trạng này có nhiều song có thể khái quát lại một số điểm chính như sau:

Thứ nhất, lợi thế hút vốn của các nước thuộc ASEAN được đánh giá là khu vực tiến bộ về kinh tế, sôi động về văn hóa và có ý nghĩa địa lý chính trị quan trọng.

Các quốc gia thành viên ASEAN đang được đánh giá có nhiều thành tựu lớn đóng góp vào thương mại toàn cầu. Năm 2010, thương mại hàng hóa trong khu vực ở khoảng 2 nghìn tỷ USD đã tăng lên mức 2,8 nghìn tỷ USD năm 2018, tương đương 7,2% thương mại toàn cầu. Hai năm 2015 và 2016 thương mại hàng hóa trong khu có giá trị giảm song năm 2018 đã đạt trên 1,4 nghìn tỷ USD. Đồng thời, nhập khẩu hàng hóa tăng. Nhìn chung, trạng thái cân cân thương mại được duy trì tích cực trong toàn khu vực với xuất khẩu ròng trong suốt giai đoạn 2010 - 2019.

Thứ hai, nhu cầu đa dạng hóa chuỗi cung ứng: dịch chuyển chuỗi cung ứng dẫn theo sự dịch chuyển đầu tư, chu chuyển vốn sang các nền tảng tốt hơn.

Trong ASEAN, Thái Lan có nhiều lợi thế trở thành quốc gia dẫn đầu về phát triển chuỗi cung ứng trong khu vực, đặc biệt là trong điều kiện đáp ứng các dịch vụ Logistics xuyên biên giới như vận chuyển máy móc, linh kiện, phụ tùng... bởi lợi thế xuất khẩu đứng thứ 2 khu vực.

Theo giá trị chỉ số Logistics tích hợp chung (Logistics Performance Index — LPI) và tích hợp năng lực (Logistics competence) các nước ASEAN,

Singapore có vị trí và điểm số cao, các nước còn lại ở thứ hạng trung; hai nước Lào và Myanmar ở vị trí kém cạnh tranh trong thang thứ bậc của 167 nước được khảo sát. Việt Nam xếp thứ 45/167 nước, đứng thứ 4 trong khối ASEAN, sau Singapore, Thái Lan và Malaysia.

Thứ ba, nhu cầu thiết lập các cơ sở sản xuất ở khu vực ASEAN đã gia tăng: Một số nền kinh tế phát triển có chính sách thiết lập các cơ sở sản xuất lâu dài tại khu vực ASEAN như Nhật Bản, Hàn Quốc... Các gói kích thích kinh tế của Chính phủ một số nước đã tích góp thêm các chương trình trợ cấp nhằm khuyến khích các nhà sản xuất trong nước chuyển cơ sở sản xuất ở nước ngoài tới Đông Nam Á như Nhật Bản nhằm giúp các công ty đa dạng hóa chuỗi cung ứng.

2. Vai trò của đầu tư nước ngoài đến tăng trưởng kinh tế các nước ASEAN giai đoạn 2015 – 2019

2.1. Thực trạng đầu tư nước ngoài vào các nước ASEAN giai đoạn 2015-2019

+ Về đầu tư trực tiếp nước ngoài: Số liệu thống kê cho thấy, giai đoạn 2010 — 2019, Trung Quốc vẫn là một trọng lực lớn trong cạnh tranh với các nước ASEAN. Chỉ có Singapore đứng đầu và tạo cách biệt lớn đối với các nước thành viên còn lại, vượt qua Indonesia và Hàn Quốc. Hàn Quốc đạt được mức tăng ấn tượng về thu hút FDI giai đoạn 2016 — 2019, chỉ riêng 2016 đã gấp gần 3 lần năm 2015 và tiếp tục đà tăng cho năm 2017. Các nước ASEAN còn lại khá tương đồng nhau. Việt Nam, Malaysia, Thái Lan ở nhóm giữa, đặc biệt, diễn biến thu hút FDI của Việt Nam tăng dần qua thời gian. Thái Lan năm 2018 thu hút FDI giảm mạnh so với năm trước đó và tăng mạnh trở lại vào 2017. Các nước thuộc nhóm dưới trong thu

hút FDI gồm: Lào, Myanmar, song ghi nhận xu hướng tăng đối với Lào và sự giảm mạnh ở đầu giai đoạn của Myanmar so với năm 2010 và tăng dần cho đến cuối giai đoạn này.

Xét về tỷ trọng thu hút FDI toàn cầu, thành viên các nước ASEAN có điểm nhấn ấn tượng vào năm 2018 (năm 2010 đạt 7,9%, năm 2011 đạt 5,6%, năm 2012 đạt 7,9%, năm 2013 đạt 8,4%, năm 2014 đạt 9,6%, hai năm 2015 và 2016 giảm xuống tại các mức 5,8 và 6,2%, sau đó tăng trở lại mức 9,5% năm 2017 và 11,5% năm 2018). Kể từ 2010, thu hút FDI toàn khối tăng mạnh và đến 2018 đã đạt 2,4 tỷ USD, chiếm 7,4% giá trị FDI toàn cầu (UNCTAD, 2019).

Singapore, Indonesia và Việt Nam đạt được ổn định chính trị, quản trị tốt, tham nhũng thấp và nỗ lực thúc đẩy phối hợp là nhân tố cuối khiến tăng kỳ vọng về tăng trưởng kinh tế dài hạn, môi trường đầu tư được quan tâm cải thiện, các cơ quan quản lý Nhà nước cam kết nhất quán trong các chính sách vĩ mô. Chỉ riêng trong năm 2019, ba quốc gia này đã nhận được hơn 80% trong tổng số kỷ lục 156 tỷ USD vốn đầu tư nước ngoài (FDI) mà các nhà đầu tư quốc tế đã đưa vốn vào khu vực Đông Nam Á. Song, Malaysia chỉ thu hút được 5%, tương đương 31,7 tỷ ringgit (7,8 tỷ USD), (UNCTAD, 2019).

Chuyển dịch FDI khá lớn từ Trung Quốc sang các nước ASEAN ở cuối giai đoạn nhưng phân bố không đồng đều. Việt Nam nổi lên khi đón nhận thành công FDI từ một số tập đoàn lớn như Samsung. Sự dịch chuyển FDI khỏi Trung Quốc, đặc biệt hai năm 2017 — 2018, là do gia tăng căng thẳng trong cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, và do các nhà đầu tư lớn như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan sắp xếp lại cơ sở xuất và đa dạng chuỗi cung ứng trong đó ASEAN có nhiều lợi thế về nguồn nhân lực, đi kèm với đẩy mạnh hỗ trợ chính sách về thuế và tiền thuê nhà xưởng...

+ Về quỹ đầu tư mạo hiểm: Khu vực ASEAN cũng thu hút khá tích cực của dòng vốn đầu tư mạo hiểm - Venture Capital (VC). Một số báo cáo cho thấy, các VC trong khu vực đã huy động được số vốn cam kết có tổng trị giá khoảng 5,8 tỷ USD trong năm 2019 với 53 VC đang có mặt trên thị trường Đông Nam Á. (Deal Street Asia báo cáo “Điểm lại các quỹ VC Đông Nam Á trong quý I/2020”). Trong đó, năm 2019, Indonesia và Singapore đang đứng đầu khu vực Đông Nam Á về thu hút quỹ đầu tư mạo hiểm. Theo đó, Indonesia đã huy động được 161 triệu USD trong quý I/2020, Singapore dẫn đầu khu vực với 865 triệu USD.

Đầu tư dưới dạng kết hợp giữa vốn cổ phần tư nhân và tài sản được quản lý bởi quỹ đầu tư mạo hiểm trong khu vực tăng 8,6%, từ 26 tỷ USD năm 2017 lên 28 tỷ USD năm 2018. Trong số các tài sản được quản lý, tăng vốn quỹ (cho mục đích mở rộng hoặc tái cơ cấu các công ty) chiếm tỷ trọng lớn nhất (12,4 tỷ USD), tiếp theo là đầu tư mạo hiểm (8,7 tỷ USD), sáp nhập và mua lại (5,9 tỷ USD), và các loại quỹ đầu tư tư nhân

khác (1,1 tỷ USD). Trong giai đoạn này, sự gia tăng rõ rệt giá trị tài sản được quản lý bởi quỹ đầu tư tư nhân và quỹ đầu tư mạo hiểm. Ví dụ, tài sản vốn cổ phần được quản lý từ quỹ tư nhân từ mức từ 3,7 tỷ đô la năm 2007 lên 19,4 tỷ đô la năm 2018 tăng 5,2 lần, trong khi tài sản đầu tư mạo hiểm đang được quản lý tăng 4,8 lần trong cùng kỳ (UNCTAC, 2019).

+ Đầu tư danh mục đầu tư: Singapore và Indonesia đứng đầu đón nhận đầu tư danh mục nước ngoài với xu hướng ngày càng tăng. Đứng sau đó là Thái Lan, Malaysia. Việt Nam đạt quy mô nhỏ, tuy nhiên nếu so sánh cả giai đoạn, Việt Nam đạt mức tăng hơn 7 lần trong 10 năm từ mức 2449 triệu USD lên 16753 triệu USD. Việt Nam cũng là nước duy nhất có mức tăng liên tiếp và đạt các bước nhảy vọt vào 3 năm 2017, 2018 và 2019. Điều này chứng tỏ sức hút mạnh mẽ của Việt Nam đối với dòng vốn nước ngoài khi tiếp tục được đánh giá là quốc gia có mức tăng trưởng mạnh mẽ, ổn định chính trị và áp dụng nhiều chính sách thu hút nhà đầu tư nước ngoài.

2.2. Phân bố vốn đầu tư nước ngoài theo lĩnh vực và đóng góp giá trị gia tăng trong GDP

Sự gia tăng thu hút FDI không chỉ đến từ các thành viên trong khối ASEAN mà còn đến từ các quốc gia phát triển như: các nước trong liên minh Châu Âu (EU), Nhật Bản, Hồng Kông (Trung Quốc), Ấn Độ và Hàn Quốc. Xét theo lĩnh vực đầu tư, FDI trong khối ASEAN được các nhà đầu tư tập trung vào sản xuất chế tạo (manufacturing sector).

Theo báo cáo đầu tư năm 2019 của UNCTAC, các nước ở nhóm trên của ASEAN, FDI tăng mạnh vào lĩnh vực sản xuất chế tạo. Tại Indonesia, FDI tăng gấp 4 lần trong năm 2016-2017. Năm 2018, FDI tiếp tục đạt mức ấn tượng (22 tỷ USD). Trong thời gian này, FDI phân bố lớn vào lĩnh vực sản xuất (lên 14 tỷ USD); thương mại bán buôn và bán lẻ (chiếm 54% tỷ, đạt mức 7 tỷ USD), bù đắp cho khoản giảm FDI trong các hoạt động khai thác (-6 tỷ USD). Giai đoạn từ 2016 — 2019, đầu tư FDI trong nội khối ASEAN tăng ấn tượng, cùng FDI gia tăng từ Trung Quốc, Nhật Bản và Hoa Kỳ. Singapore vẫn là nhà đầu tư lớn nhất ở Indonesia, chiếm hơn 48% tổng dòng vốn.

FDI vào Malaysia năm 2017 và 2018 đều giảm so với kỳ trước đó. Năm 2018 đạt 13% xuống 8 tỷ USD, chủ yếu do đầu tư từ các thành viên ASEAN khác giảm 79%. Trong công nghiệp, FDI vào lĩnh vực sản xuất tạo điểm sáng với mức tăng 2,7 lần lên 4 tỷ USD và FDI vào tài chính tăng hơn gấp đôi, lên hơn 1 tỷ USD. Đầu tư vào bất động sản sụt giảm đáng kể, từ 3 tỷ USD năm 2017 xuống dưới 1 tỷ USD năm 2018, góp phần làm giảm dòng vốn.

Tại Philippines, thu hút FDI năm 2018 ổn định so với 2017, vẫn ở mức 10 tỷ USD, sau mức tăng của năm 2016 là 48% và mức tăng của năm 2017 là 24%. Sự sụt giảm đầu tư từ EU (từ 2 tỷ USD năm 2017 xuống 340

triệu USD năm 2018) và từ Hoa Kỳ được bù đắp bởi sự gia tăng FDI từ ba nền kinh tế là Hồng Kông (Trung Quốc) tăng 2,5 lần, từ Nhật Bản tăng gấp ba lần và Trung Quốc tăng mạnh, gấp bảy lần. FDI vào tài chính, bất động sản và các dịch vụ khác tăng, bù đắp cho sự sụt giảm đầu tư vào lĩnh vực sản xuất (xuống còn 1 tỷ USD); FDI vào ngành điện đã giảm từ hơn 1 tỷ USD năm 2017 xuống còn 193 triệu USD.

Năm 2018, vốn vào Singapore tăng 3% lên 78 tỷ USD - mức cao nhất được ghi nhận. Singapore là nước chủ nhà lớn nhất trong khu vực. Dòng vốn FDI từ EU tăng 4,7 lần lên 18 tỷ USD, đầu tư của Nhật Bản tăng 32% lên 5 tỷ USD và từ Hàn Quốc tăng hơn 3 lần lên 2,3 tỷ USD. FDI từ các nền kinh tế khác tăng, và đều bù đắp cho sự sụt giảm đáng kể đầu tư của Hoa Kỳ (từ 28 tỷ USD năm 2017 xuống chỉ còn 4 tỷ USD năm 2018).

Thái Lan vượt trội với mức tăng 65% vốn FDI lên 13 tỷ USD vào năm 2018, tăng 186% từ năm 2016 đến năm 2017, trong đó FDI mạnh vào lĩnh vực sản xuất, từ 2 lên hơn 5 tỷ USD năm 2017 và 2018. Dòng vốn FDI cũng tăng vào các lĩnh vực tài chính, bất động sản, thương mại bán buôn và bán lẻ. Sản xuất và hai ngành dịch vụ chủ chốt (tài chính và bất động sản) chiếm hơn 88% của dòng vốn FDI vào nước này trong năm 2017.

Đối với các nước thuộc nhóm dưới (CLMV) của ASEAN, dòng FDI tăng mạnh vào khu vực dịch vụ, tài chính, ngân hàng. Như vậy nhóm 5 nước CLMV trong khối ASEAN chỉ chiếm khoảng 15% FDI toàn khối. Nhà đầu tư nước ngoài cũng rất quan tâm đến nhiều lĩnh vực của các thành viên nhóm CLMV.

Việt Nam tăng liên tiếp trong thu hút FDI suốt giai đoạn 2010 - 2019. Năm 2018, thu hút FDI đạt 16 tỷ USD, đạt kỷ lục so với những năm trước đó. Năm 2019, FDI lại tiếp tục đạt gần 17 tỷ USD. Nếu so sánh riêng 2 năm 2017 và 2018 cho thấy, FDI chủ yếu vào lĩnh vực sản xuất (đạt 6238 triệu USD năm 2017, chiếm 44% tổng vốn FDI) lên 7250 triệu USD, chiếm 47% tổng vốn FDI), bất động sản (từ 1200 triệu USD lên 2891 triệu USD, tăng 141% so với năm trước) và hoạt động bán buôn, bán lẻ (từ 961 triệu USD lên 1605 triệu USD, tăng 67%), tất cả đều nhận được dòng vốn đầu tư cao hơn năm 2017. Như vậy, dòng tiền được đầu tư vào các lĩnh vực dịch vụ và bất động sản (được kỳ vọng có tiềm năng tăng trưởng cao) tại Việt Nam tăng mạnh ở cuối giai đoạn.

Việc thay đổi FDI vào các ngành vào cuối giai đoạn cũng được thể hiện rõ theo giá trị đóng góp của các lĩnh vực trong GDP giai đoạn 2010 — 2019 các nước ASEAN. Trừ Brunei có tỷ trọng tỷ trọng đầu tư FDI tập trung vào công nghiệp, các nước thành viên còn lại đều ghi nhận sự tập trung đầu tư vào khối dịch vụ. Điển hình, xu hướng này có thể thấy rõ tại Singapore, Thái Lan và Việt Nam, Malaysia, Philippines. Phân bố FDI vào hai lĩnh vực chính là công nghiệp và dịch vụ của Indonesia và Việt Nam khá tương đồng. Đây là hai quốc gia cũng đạt được nhiều thành tựu lớn về thu hút FDI trong những năm gần đây.

3. Đánh giá và khuyến nghị

Từ những phân tích trên cho thấy, giai đoạn 2010 — 2019 tiếp tục ghi nhận những điểm sáng trong thu hút FDI của ASEAN và đón đầu tư nước ngoài từ các nền kinh tế phát triển chuyển dịch sang các nền kinh tế có lợi thế lớn như Singapore, Indonesia, Việt Nam. Từ đó, góp phần tăng trưởng GDP của cả khối cũng như của mỗi nước thành viên. Sự thay đổi rõ nét đầu tư phân bổ vào các lĩnh vực diễn ra vào những năm cuối của giai đoạn này, từ đó, giá trị tăng thêm của các lĩnh vực đóng góp vào GDP các nước cũng có xu hướng thay đổi. Các nước thu hút FDI mạnh mẽ vào dịch vụ, từ đó cấu trúc đóng góp của lĩnh vực này trong GDP cũng tăng lên cả tỷ trọng và xu hướng qua các năm. Nét tương đồng và nổi bật của các quốc gia trong khối ASEAN ở lĩnh vực nông nghiệp, dù còn nhiều tiềm năng nhưng vẫn chưa có sức hút đối với FDI, do đó, đóng góp của lĩnh vực này vào GDP các nước còn nhiều hạn chế. Điều này cần được quan tâm hơn nữa bởi các quốc gia ASEAN có tiềm năng rất lớn về nông, lâm, hải sản, ví dụ như Việt Nam, Lào, Philippines...

Qua đó, một số giải pháp thúc đẩy thu hút FDI đóng góp vào tăng trưởng kinh tế các nước ASEAN cần được chú trọng trong giai đoạn tới gồm: (1), Tăng cường hợp tác phát triển về Logistic trong khu vực bởi nền tảng Logistics toàn khối hiện còn rất thấp, trong khi, đầu tư và giao thương quốc tế chịu chi phối rất mạnh mẽ về Logistics; (2), Xây dựng nền tảng nông nghiệp kết hợp công nghệ cao nhằm đẩy mạnh giá trị gia tăng trong lĩnh vực này nhằm tạo lực hút FDI vào lĩnh vực nông nghiệp; (3), Thu hút FDI gắn với tăng trưởng kinh tế bền vững: Việc gia tăng quy mô thu hút vốn không gắn với chất lượng đầu tư dễ dẫn đến những tác động tiêu cực như ô nhiễm môi trường, mất cân bằng cơ cấu, xung đột tâm lý với người dân nơi địa bàn đặt trụ sở đầu tư (liên quan đến đất đai, phát thải môi trường...); (4), Tăng cường liên kết khối để hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước có cơ hội liên doanh, liên kết hoặc gọi vốn từ nước ngoài để gia tăng quy mô và đạt mục tiêu trong hiệu quả kinh doanh./

Tài liệu tham khảo

Masahito Ambashi, 2017, "ASEAN as an FDI Attractor: How Do Multinationals Look at ASEAN?", ERIA POLICY BRIEF NO. 2016-04, JANUARY 2017, <https://www.eria.org/ERIA-PB-2016-04.pdf>.

UNCTAD, 2019, "ASEAN Investment Report 2019 FDI in Services: Focus on Health Care", https://unctad.org/system/files/official-document/unctad_asean_air2019d1.pdf

UNCTAD, 2019, <https://unctadstat.unctad.org/wds/ReportFolders/reportFolders.aspx>

<https://databank.worldbank.org/source/world-development-indicators>